

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 40/2024/DS - PT
Ngày 29 - 3 - 2024
V/v Tranh chấp đòi lại tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Hùng

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Trung
Bà Huỳnh Ái Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Bé Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:
Bà Trần Hương Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2024/TLPT-DS ngày 28 tháng 02 năm 2024 về việc “Tranh chấp đòi lại tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 81/2023/DS-ST ngày 21 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 07/2024/QĐ-PT ngày 07 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phan Thị H, sinh năm 1967 (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phan Văn H1 –Luật sư Công ty L thuộc Đoàn Luật sư tỉnh T. (Có mặt)

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1962 (Có đơn xin vắng mặt)

2. Bà Tô Thị D, sinh năm 1966 (Có mặt)

3. Chị Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1995 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp A, xã T huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Lâm Khắc S
– Văn phòng luật sư Lâm Khắc S thuộc Đoàn Luật sư tỉnh T. (Có mặt)

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Minh Đ, bà Tô Thị D, chị Nguyễn Thị Ngọc T là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phan Thị H trình bày: Trước đây vào ngày 02/8/2018 al, bà có cho vợ chồng ông Nguyễn Minh Đ, bà Tô Thị D cùng con là chị Nguyễn Thị Ngọc T vay tổng cộng số tiền 971.000.000 đồng, khi vay tiền bên ông Đ thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 92 do ông Đ, bà D đứng tên quyền sử dụng đất. Trong số tiền vay 971.000.000 đồng này, thì bên ông Đ đã vay trước số tiền 700.000.000 đồng đến ngày 02/8/2018 al, bên ông Đ tiếp tục vay số tiền 271.000.000 đồng, để vợ chồng ông Đ trả cho bà Cao Thị T1 số tiền 171.000.000 đồng còn lại 100.000.000 đồng thì bên ông Đ nhận tiền mặt. Cho nên hợp đồng cầm đồ ngày 02/8/2018 al, ghi tổng số tiền vay là 971.000.000 đồng. Việc bên ông Đ vay tiền lần đầu số tiền 700.000.000 đồng có sự chứng kiến trực tiếp của bà Cao Thị T1, lần sau vay thêm số tiền 271.000.000 đồng cũng có mặt bà Cao Thị T1 chứng kiến trực tiếp. Bên ông Đ vay được số tiền này là do có sự giới thiệu của bà Cao Thị T1. Việc bên ông Đ vay tiền hai bên thỏa thuận thời hạn vay là 01 năm kể từ ngày 02/8/2018 al thì bên ông Đ trả đủ số tiền gốc nhưng đến nay bên ông Đ chưa có trả được khoản tiền nào. Nay bà yêu cầu ông Đ, bà D, chị T trả lại tiền vốn gốc 971.000.000 đồng, còn tiền lãi trả theo lãi suất nhà nước quy định là 0.83%/tháng, thời gian tính lãi từ ngày 02/10/2018 al cho đến nay, vì bên ông Đ đã đóng lãi được hai tháng nhưng từ tháng 10 năm 2018 al không đóng lãi cho đến nay.

Bị đơn ông Nguyễn Minh Đ, bà Tô Thị D, chị Nguyễn Thị Ngọc T trình bày: Vào 09/11/2017 al, các ông, bà có nhờ bà Cao Thị T1 cùng đi gặp bà H để vay tiền có thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 92 để vay số tiền 500.000.000 đồng, việc vay tiền có thỏa thuận lãi suất 1,5 %/tháng, tức là 1 tháng đóng lãi 7.500.000 đồng. Sau khi vay số tiền này thì đã trả tiền nợ gốc 500.000.000 đồng nên bà H đã gạch R vào hợp đồng cầm đồ vay số tiền 500.000.000 đồng. Việc vay số tiền 500.000.000 đồng, các ông, bà có đóng lãi đầy đủ chỉ còn thiếu lại 01 tháng tiền lãi là 7.500.000 đồng cho nên bà H đã giữ lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các ông, bà. Đến ngày 02/8/2018 al, các ông, bà vay 100.000.000 đồng lãi thỏa thuận là 6%/tháng, tức là 100.000.000 đồng thì đóng lãi 6.000.000 đồng, cũng trong thời gian này, các ông, bà mới tiếp tục hỏi vay thêm số tiền 181.000.000 đồng lãi suất thỏa thuận là 15%/tháng với tiền lãi khoản vay 181.000.000 đồng. Vì vậy, vào ngày 02/8/2018 al, các ông, bà chỉ vay số tiền 281.000.000 đồng chứ không phải vay số tiền 971.000.000 đồng.

Từ khi vay số tiền 281.000.0000 đồng, các ông, bà chưa có trả khoản tiền lãi nào. Các ông, bà thừa nhận cả 03 người có ký tên vào hợp đồng cầm cố ngày 02/8/2018 để vay số tiền 281.000.000 đồng. Nhưng bà D, chị T do bận công việc nên ký tên trước vào hợp đồng cầm cố ngày 02/8/2018 và sau đó thì bỏ đi về, còn ông Đ ở lại ký tên sau để nhận số tiền vay 281.000.000 đồng. Khi đi hỏi vay tiền số tiền 281.000.000 đồng thì có mặt bà Cao Thị T1 nhưng khi bà H đưa số tiền 281.000.000 đồng thì không có mặt có bà Cao Thị T1. Các ông, bà thừa nhận từ trước đến nay, giữa chúng tôi với bà Cao Thị T1 không có mâu thuẫn gì. Nay, bà H yêu cầu trả tiền vốn gốc 971.000.000 đồng và trả tiền lãi các ông, bà không đồng ý vì chỉ còn thiếu lại số tiền 281.000.000 đồng. Các ông, bà yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” và chỉ đồng ý trả số tiền vay là 281.000.000 đồng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 81/2023/DS-ST ngày 21 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Càng Long đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện bà Phan Thị H.

Buộc ông Nguyễn Minh Đ, bà Tô Thị D, chị Nguyễn Thị Ngọc T phải trả cho bà Phan Thị Hằng số tiền 971.000.000đ (chín trăm bảy mươi một triệu đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về yêu cầu trả tiền lãi do đã hết thời hiệu khởi kiện nên Đình chỉ yêu cầu khởi kiện về yêu cầu trả tiền lãi.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của bà H trả cho ông Nguyễn Minh Đ, bà Tô Thị D giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 92, tờ bản đồ số 18, diện tích 180,9 m², loại đất trồng lúa theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AA181195, do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 30/8/2004, cấp cho ông Nguyễn Minh Đ, bà Tô Thị D khi bị đơn thực hiện xong nghĩa vụ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 31 tháng 8 năm 2023, bị đơn ông Nguyễn Minh Đ, bà Tô Thị D, chị Nguyễn Thị Ngọc T kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết sửa bản án sơ thẩm theo hướng bị đơn chỉ đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền 281.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, nguyên đơn bà Phan Thị H không rút yêu cầu khởi kiện; bị đơn bà Tô Thị D, chị Nguyễn Thị Ngọc T giữ nguyên đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn cho rằng: Về tố tụng nên đưa bà Cao Thị T1 vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Về nội dung vụ án, đối với Hợp đồng cầm cố ngày 02/8/2018 âm

lịch, khi bị đơn bà Tô Thị D, chị Nguyễn Thị Ngọc T, ông Nguyễn Minh Đ ký vào hợp đồng này thì lúc đó bà Phan Thị H chưa ghi số tiền 971.000.000 đồng, số tiền này là bà H ghi vào sau đó. Thực chất vào ngày 02/8/2018 âm lịch thì bị đơn chỉ vay của nguyên đơn số tiền 281.000.000 đồng. Đối với số tiền 500.000.000 đồng phía bị đơn vay ngày 09/11/2017 âm lịch, phía bị đơn đã trả cho nguyên đơn bà H xong. Ngoài ra, việc tính lãi ghi trong Hợp đồng cầm đồ ngày 02/8/2018 âm lịch cũng không rõ ràng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chỉ buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 281.000.000 đồng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng: Việc bà D cho rằng số tiền 500.000.000 đồng vay ngày 09/11/2017 âm lịch bà D đã trả cho bà H xong nhưng lời khai của bà D, ông Đ về nguồn tiền để trả cho bà H mâu thuẫn nhau: Bà D cho rằng nguồn tiền 500.000.000 đồng trả cho bà H là do gia đình bà tích lũy, còn ông Đ tại phiên tòa sơ thẩm thì cho rằng do chuyển nhượng quyền sử dụng đất mà có. Tại phiên tòa hôm nay bà D cho rằng khi vay số tiền 500.000.000 đồng của bà H ngày 09/11/2017 âm lịch thì ngay ngày hôm đó bà D trả cho bà Cao Thị T1 số tiền 300.000.000 đồng nhưng tại Cơ quan điều tra thì bà D lại khai số tiền 500.000.000 đồng vay của bà H ngày 09/11/2017 âm lịch, bà D giao cho con bà là Nguyễn Minh T2 400.000.000 đồng để hùn tiền làm ăn với người khác. Đối với Hợp đồng cầm đồ ngày 02/8/2018 âm lịch, trong hợp đồng ghi rõ số tiền là 971.000.000 đồng, phía bị đơn có trình độ học vấn nên việc cho rằng không biết số tiền ghi trong hợp đồng cầm cố số tiền 971.000.000 đồng là không hợp lý. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến của vị Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tiến hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, vị Kiểm sát viên cho rằng: Việc bà Tô Thị D, ông Nguyễn Minh Đ cho rằng đã trả cho bà Hằng số tiền 500.000.000 đồng vay ngày ngày 09/11/2017 âm lịch và ngày 02/8/2018 âm lịch chỉ vay của bà Hằng số tiền 281.000.000 đồng là không có cơ sở. Bởi vì ngày 02/8/2018 âm lịch bà H làm Hợp đồng cầm đồ là làm hai tờ, một tờ do bà H giữ và một tờ giao cho gia đình ông Đ giữ. Trong hai tờ Hợp đồng cầm đồ trên đều có ghi số tiền mà ông Đ, bà D, chị T nhận của bà H là 971.000.000 đồng. Ông Đ, chị T là người có trình độ học vấn nên việc ông Đ, chị T, bà D cho rằng không biết số tiền 971.000.000 đồng ghi trong Hợp đồng cầm đồ ngày 02/8/2018 là không hợp lý. Ngoài ra, bà Lê Thị Cẩm D1 cho rằng chị T có đến nhờ bà chỉ chỗ vay tiền lãi xuất rõ nên bà có yêu cầu chị T đem Hợp đồng cầm cố giấy đất của gia đình chị T cho bà xem thử, bà

có thấy số tiền trong Hợp đồng cầm đồ là chín trăm mấy chục triệu nên bà có nói với số tiền chín trăm mấy chục triệu đồng mà chị H cho vay với lãi suất gần 20.000.000 đồng/tháng là quá rẻ rồi, chỉ cao hơn lãi suất ngân hàng chút thôi, còn nếu vay chỗ khác thì lãi suất còn cao hơn nữa. Từ những chứng cứ trên, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Nguyễn Minh Đ vắng mặt nhưng có đơn xin giải quyết vắng mặt nên căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Minh Đ.

[2] Bà Tô Thị D, ông Nguyễn Minh Đ, chị Nguyễn Thị Ngọc T cho rằng vào ngày 02/8/2018 âm lịch chỉ vay của bà Phan Thị Hằng s tiền 281.000.000 đồng, còn số tiền 500.000.000 đồng vay ngày 09/11/2017 âm lịch thì đã trả xong cho bà H và bà H đã ghi chữ “R” vào Hợp đồng cầm đồ ngày 09/11/2017, hiện nay chỉ còn nợ bà Hằng số tiền 281.000.000 đồng. Đối với tờ Hợp đồng cầm đồ ngày 02/8/2018 âm lịch, bà D, chị T cho rằng khi hai người ký tên thì bà H chưa có ghi số tiền 971.000.000 đồng; còn ông Đ thừa nhận bà H có giao cho ông giữ một tờ Hợp đồng cầm đồ ngày 02/8/2018 âm lịch nhưng ông cho rằng ông không có đọc kỹ nội dung hợp đồng và ông đem về cất trong tủ (BL 108). Trong giai đoạn phúc thẩm thì bà Phan Thị H cho rằng vào ngày 09/11/2017 âm lịch, bà Cao Thị T1 có dẫn ông Nguyễn Minh Đ, bà Tô Thị D, chị Nguyễn Thị Ngọc T đến gặp bà vay số tiền 500.000.000 đồng và thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà. Bà có làm tờ Hợp đồng cầm đồ và trong hợp đồng cầm đồ có ghi số tiền 500.000.000 đồng. Do gia đình bà D, ông Đ, chị T còn nợ bà Cao Thị T1 200.000.000 đồng, bà T1 thiếu tiền của bà 400.000.000 đồng nên các bên thống nhất số tiền 200.000.000 đồng gia đình bà D, ông Đ, chị T nợ bà T1 chuyển sang nợ bà nên tổng cộng số tiền gia đình bà D, ông Đ, chị T nợ bà ngày 09/11/2017 âm lịch là 700.000.000 đồng. Vào ngày 02/8/2018 âm lịch, bà Cao Thị T1 lại dẫn ông Nguyễn Minh Đ, bà Tô Thị D, chị Nguyễn Thị Ngọc T đến gặp bà vay số tiền 100.000.000 đồng. Do lúc này gia đình bà D, ông Đ, chị T còn nợ bà Cao Thị T1 số tiền 171.000.000 đồng mà bà T1 đã choàng tiền hui chết thay và bà T1 còn thiếu bà 200.000.000 đồng nên các bên thống nhất số tiền 171.000.000 đồng gia đình bà D, ông Đ, chị T nợ bà T1 chuyển sang nợ bà nên số tiền gia đình bà D, ông Đ, chị T nợ bà ngày 02/8/2018 âm lịch là 271.000.000 đồng. Cộng với số tiền gia đình bà D, ông Đ, chị T nợ bà trước đó 700.000.000 đồng nên tổng cộng là 971.000.0000 đồng; bà có làm hai Tờ Hợp đồng cầm đồ ngày 02/8/2018 âm lịch,

trong hai Tờ Hợp đồng cầm đồ trên đều có ghi số tiền gia đình bà D, ông Đ, chị T nhận của bà là 971.000.000 đồng, bà giao cho gia đình ông Đ giữ một tờ Hợp đồng cầm đồ, bà giữ một tờ. Bà Cao Thị T1 cũng có lời khai giống như bà H và có lời khai cho rằng do gia đình bà D, ông Đ còn nợ bà 300.000.000 đồng nên khi nhận số tiền 500.000.000 đồng từ bà H ngày 09/11/2017 âm lịch thì gia đình ông Đ, bà D trả bà 100.000.000 đồng, lúc đó chị T có viết vào giấy biên nhận nợ thiếu tiền của bà (biên nhận nợ 300.000.000 đồng) là trả cho bà được số tiền 100.000.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bà D cũng thừa nhận vào ngày 02/8/2018 âm lịch có sự việc các bên thống nhất số tiền 171.000.000 đồng gia đình bà D, ông Đ, chị T nợ bà T1 chuyển sang nợ bà H. Qua lời trình bày trên của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy: Việc bà Tô Thị D, ông Nguyễn Minh Đ cho rằng đã trả cho bà Hằng số tiền 500.000.000 đồng vay ngày 09/11/2017 âm lịch và ngày 02/8/2018 âm lịch chỉ vay của bà Hằng số tiền 281.000.000 đồng là không có cơ sở chấp nhận. Bởi vì, vào ngày 02/8/2018 âm lịch, bà H làm Hợp đồng cầm đồ là làm hai tờ, một tờ do bà H giữ và một tờ giao cho gia đình ông Đ giữ (BL 51, 53). Trong hai tờ Hợp đồng cầm đồ trên đều có ghi số tiền mà ông Đ, bà D, chị T nhận của bà H là 971.000.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bà D cũng thừa nhận ông Đ trước đây từng công tác tại Ban chỉ huy quân sự huyện C, chị T cũng thừa nhận chị từng học Trung cấp dược, điều này chứng tỏ cho thấy ông Đ, chị T là người có trình độ học vấn nên việc ông Đ, chị T, bà D cho rằng không biết số tiền 971.000.000 đồng ghi trong Hợp đồng cầm đồ ngày 02/8/2018 là không hợp lý.

[3] Ngoài ra, theo lời khai của bà Lê Thị Cẩm D1 cho rằng, do chị T có bán thuốc tây cho quầy thuốc của bà nên bà quen biết chị T, chị T có đến nhờ bà chỉ chỗ vay tiền lãi xuất rẽ vì chị T cho rằng vay của bà H chín trăm mấy chục triệu, đóng lãi gần 20.000.000 đồng/tháng, lãi xuất cao nên bà có yêu cầu chị T đem Hợp đồng cầm cố giấy đất của gia đình chị T cho bà xem thử. Hai ngày sau chị T có đem Hợp đồng cầm cố giấy đất của gia đình chị T cho bà xem thì bà có thấy số tiền trong Hợp đồng cầm đồ là chín trăm mấy chục triệu nên bà có nói với số tiền chín trăm mấy chục triệu đồng mà chị H cho vay với lãi suất gần 20.000.000 đồng/tháng là quá rẽ rồi, chỉ cao hơn lãi suất ngân hàng chút thôi, còn nếu vay chỗ khác thì lãi suất còn cao hơn nữa (BL 64 - 65, 29).

[4] Từ những chú cứ và phân tích trên [2], [3], Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở khẳng định vào thời điểm ngày 02/8/2018 âm lịch, ông Đ, bà D, chị T đều biết và thống nhất số tiền còn nợ bà H là 971.000.000 đồng. Do đó, kháng cáo của bị đơn bà D, ông Đ, chị T là không có cơ sở chấp nhận.

[5] Xét ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn, như phân tích ở phần trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở chấp nhận.

[6] Xét ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn, của vị Kiểm sát viên, như phân tích ở phần trên, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Minh Đ là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên miễn toàn bộ án phí phúc thẩm cho ông Đ. Bà Tô Thị D, chị Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Minh Đ, bà Tô Thị D, chị Nguyễn Thị Ngọc T.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 81/2023/DS-ST ngày 21 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ các Điều 166, 274, 429, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện bà Phan Thị H.

Buộc ông Nguyễn Minh Đ, bà Tô Thị D, chị Nguyễn Thị Ngọc T phải trả cho bà Phan Thị Hằng s tiền 971.000.000đ (*Chín trăm bảy mươi một triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị H về việc yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Minh Đ, bà Tô Thị D, chị Nguyễn Thị Ngọc T trả tiền lãi đối với số tiền gốc 971.000.000 đồng.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Buộc bà Tô Thị D, chị Nguyễn Thị Ngọc T mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm nhưng mỗi người được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0013953 và theo biên lai số 0013954 cùng ngày 31/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh nên bà D, chị T không phải nộp tiếp.

Miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm cho ông Nguyễn Minh Đ.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Văn Hùng